QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ 2015 VỀ BIỆN PHÁP ĐIỀU TRA TỐ TỤNG ĐẶC BIỆT, VƯỚNG MẮC VÀ KIẾN NGHỊ

ĐỖ THỊ MAI HƯƠNG
Học viện Cảnh sát nhân dân

Nhận bài ngày 22/02/2025. Sửa chữa xong 28/02/2025. Duyệt đăng 04/3/2025.

Abstract

Special investigative measures are a provision first stipulated in the Criminal Procedure Code. In the world, due to the requirements of the fight against certain dangerous crimes, many countries have allowed the application of special investigative measures in criminal proceedings. Depending on the requirements of the fight against crime of each country, depending on the cultural traditions, laws and socio-economic conditions, the provisions on the provision of special investigative measures have certain differences.

Keywords: *Criminal Procedure Code, investigation, special, problems, recommendations.*

1. Đặt vấn đề

Biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt là chế định mới được ghi nhận trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021). Đây là biện pháp vừa mang những đặc điểm chung của hoạt động điều tra vụ án hình sự nhưng có những đặc điểm riêng thể hiện qua tính chất "bí mật" khi áp dụng trong thực tiễn. Theo quy định tại Điều 223 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt bao gồm: Ghi âm, ghi hình bí mật; nghe điện thoại bí mật; thu thập bí mật dữ liệu điện tử. Đối với nội dung quy định về các biện pháp điều tra, ngoài những biện pháp điều tra được kế thừa từ Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 như: khởi tố bị can, hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng, bị hại, … thì Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 còn quy định thêm biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Tuy nhiên, do quy định về biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt là nội dung quy định "mới" nên trong thực tiễn áp dụng pháp luật, các quy định này đã bộc lộ một số khó khăn, hạn chế, làm ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động điều tra các vụ án nói chung.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quy định của pháp luật về biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt và những vấn đề vướng mắc

Các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt được tiến hành trên cơ sở ứng dụng thành tựu khoa học, kỹ thuật về lĩnh vực âm thanh, hình ảnh, điện tử viễn thông, trình độ của chuyên viên công nghệ thông tin… bí mật thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến đối tượng bị áp dụng nhằm phục vụ công tác điều tra, khám phá tội phạm. Sau khi khởi tố vụ án, trong quá trình điều tra, người có thẩm quyền có thể quyết định áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, gồm: Ghi âm, ghi hình bí mật; nghe điện thoại bí mật; thu thập bí mật dữ liệu điện tử. Những biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt cho phép ghi nhận hình ảnh với độ phân giải tốt, âm thanh chất lượng và những thông tin, tài liệu khác, đồng thời đảm bảo yếu tố bí mật với đối tượng áp dụng và những người không liên quan. Nội dung của các điều luật này thể hiện các vấn đề cụ thể sau:

Email: maihuongdo@gmail.com

2.1.1. Các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Theo nội dung quy định tại Điều 223 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt bao gồm: ghi âm, ghi hình bí mật; nghe điện thoại bí mật; thu thập bí mật dữ liệu điện tử. So với các biện pháp điều tra bí mật mà pháp luật quốc tế khuyến nghị sử dụng, nhà làm luật Việt Nam mới chỉ bước đầu thừa nhận những biện pháp cơ bản, thiết yếu. Ngoài ra, còn có các biện pháp phổ biến chưa được thừa nhận như: vận chuyển có kiểm soát; đưa người thâm nhập tổ chức và tiếp cận cá nhân phạm tội để thu thập chứng cứ[1]. Đồng thời, với quy định liệt kê các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong tố tụng hình sự (TTHS), nhà làm luật đưa ra một nguyên tắc đối với nhóm biện pháp này đó là, các biện pháp này chỉ được sử dụng *"sau khi khởi tố vụ án hình sự, trong quá trình điều tra"*. Khác với một số biện pháp điều tra khác như khám nghiệm hiện trường[2],… có thể tiến hành trước khi khởi tố vụ án hình sự, thì biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt chỉ được áp dụng trong giai đoạn điều tra. Giai đoạn điều tra là giai đoạn quan trọng trong mô hình TTHS của Việt Nam. Nhiệm vụ của giai đoạn này về cơ bản là thu thập chứng cứ để xác định tội phạm và người phạm tội, thu thập chứng cứ về các vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án hình sự. Do biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt được áp dụng đối với các tội phạm nguy hiểm, đặc biệt nghiêm trọng, nên ngoài yêu cầu điều tra, giải quyết đối với vụ án đã khởi tố, thì yêu cầu phòng ngừa tội phạm trong quá trình áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt cũng phải được đặt lên hàng đầu. Mức độ áp dụng, thời điểm áp dụng, thời hạn áp dụng, trường hợp và loại biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt cũng cần được các chủ thể có liên quan cân nhắc kỹ, vừa bảo đảm yêu cầu đấu tranh phòng ngừa tội phạm đã khởi tố, vừa không được lạm quyền, không được xâm phạm đến các quyền cơ bản của công dân. Ngoài ra, quá trình lựa chọn áp dụng, chủ thể tiến hành cần phải phân biệt biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt với các biện pháp nghiệp vụ của ngành Công an.

2.1.2. Các trường hợp được áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Nhằm bảo đảm hiệu quả của các biện pháp này đối với quá trình đấu tranh phòng ngừa tội phạm và hạn chế đến mức thấp nhất những ảnh hưởng tiêu cực có thể xảy ra, Điều 224 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 chỉ quy định 02 trường hợp được áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt là: 1) Áp dụng để đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia [3], tội phạm về ma túy, tội phạm về tham nhũng, tội khủng bố, tội rửa tiền; 2) Hoặc áp dụng để đấu tranh phòng, chống tội phạm khác có tổ chức thuộc loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Thông qua nội dung quy định này có thể hiểu: đối với các tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm về ma túy, tội phạm về tham nhũng, tội khủng bố, tội rửa tiền, thì chủ thể có thẩm quyền có thể quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong mọi trường hợp mà không bị ràng buộc về phân loại tội phạm, khung hình phạt; đối với các loại tội phạm khác, biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt chỉ có thể được áp dụng khi có đủ hai điều kiện là đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, tức là *"tội phạm đó có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội đặc biệt lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định đối với tội ấy là từ trên 15 năm đến 20 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình"* và tội phạm đó phải có dấu hiệu là phạm tội có tổ chức, tức là *"hình thức đồng phạm có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm"*.

2.1.3. Thẩm quyền, trách nhiệm quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Theo quy định tại khoản 1 Điều 225 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, thì Thủ trưởng Cơ quan điều tra (CQĐT) cấp tỉnh trở lên, Thủ trưởng CQĐT quân sự cấp quân khu trở lên mới có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Những người có thẩm quyền này gồm: Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an, Thủ trưởng Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an, Thủ trưởng CQĐT hình sự Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng Cơ quan an ninh điều tra Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng CQĐT Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Thủ trưởng CQĐT Viện kiểm sát quân sự trung ương, Thủ trưởng các CQĐT cấp tỉnh (bao gồm CQĐT hình sự và Cơ quan an ninh điều tra). Việc quyết định

áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt của chủ thể theo luật định được thực hiện trên cơ sở yêu cầu thực tiễn của hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm của mình, hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu. Trường hợp vụ án do CQĐT cấp huyện, CQĐT quân sự khu vực thụ lý điều tra thì Thủ trưởng CQĐT cấp huyện, Thủ trưởng CQĐT quân sự khu vực trao đổi với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự khu vực về căn cứ và biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt có thể áp dụng. Đồng thời, Thủ trưởng CQĐT cấp huyện, Thủ trưởng CQĐT quân sự khu vực có văn bản kèm theo hồ sơ đề nghị Thủ trưởng CQĐT cấp tỉnh, Thủ trưởng CQĐT quân sự cấp quân khu xem xét, quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

2.1.4. Trình tự, thủ tục quyết định và thi hành quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Khi ra quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, các chủ thể theo luật định phải căn cứ và tuân thủ nghiêm quy định tại Điều 224 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Điều này đòi hỏi những người có thẩm quyền một mặt phải nhận thức được tầm quan trọng của các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong việc giải quyết vụ án, một mặt phải hiểu được sự tác động của các biện pháp này tới đối tượng bị áp dụng. Có như vậy, việc áp dụng mới có tính hiệu quả, bảo đảm không lạm quyền, không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt cần phải ghi rõ thông tin cần thiết về đối tượng bị áp dụng, tên biện pháp được áp dụng, thời hạn, địa điểm áp dụng, cơ quan tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, cũng như phải ghi nhận đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 132 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 gồm: a) Số, ngày, tháng, năm, địa điểm ban hành văn bản tố tụng; b) Căn cứ ban hành văn bản tố tụng; c) Nội dung của văn bản tố tụng; d) Họ tên, chức vụ, chữ ký của người ban hành văn bản tố tụng và đóng dấu. Về thủ tục áp dụng, quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành. Tuy nhiên, nội dung quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 không quy định rõ trong trường hợp việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt theo yêu cầu của Viện trưởng Viện liểm sát thì có cần thủ tục phê chuẩn như trên hay không. Ngay sau khi nhận được văn bản phê chuẩn của Viện kiểm sát cùng cấp, chủ thể quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt cần phải ban hành văn bản yêu cầu cơ quan chuyên trách trong Công an, Quân đội tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt để phục vụ điều tra, làm rõ vụ án; quá trình áp dụng Thủ trưởng CQĐT, Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền và người thi hành quyết định áp dụng biện pháp này phải giữ bí mật nội dung, mục đích và kết quả thu thập được thông qua việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

2.1.5. Thời hạn áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Theo nội dung quy định tại khoản 1 Điều 226 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, thì thời hạn áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt là không quá 02 tháng kể từ ngày Viện trưởng Viện kiểm sát phê chuẩn, trường hợp phức tạp có thể gia hạn thời gian áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, nhưng không được vượt quá thời hạn điều tra theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Như vậy, thời gian gia hạn áp dụng biện pháp này không được quy định cụ thể, thời hạn này dài hay ngắn phụ thuộc vào thời hạn điều tra theo luật định của vụ án đó. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 226 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cũng quy định chậm nhất 10 ngày trước khi hết thời hạn áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, nếu xét thấy cần gia hạn thì Thủ trưởng CQĐT đã ra quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt phải có văn bản đề nghị Viện trưởng Viện kiểm sát đã phê chuẩn xem xét, quyết định việc gia hạn. Trường hợp biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt được áp dụng để phục vụ điều tra vụ án thuộc thẩm quyền của CQĐT cấp huyện hoặc CQĐT quân sự cấp khu vực, nếu xét thấy cần thiết phải gia hạn thời gian áp dụng biện pháp này thì Thủ trưởng CQĐT cấp huyện hoặc Thủ trưởng CQĐT quân sự cấp khu vực phải ban hành văn bản đề nghị Thủ trưởng CQĐT cấp tỉnh hoặc Thủ trưởng CQĐT quân sự cấp quân khu ra quyết định đề nghị gia hạn thời gian áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt theo trình tự nêu trên.

2.1.6. Các trường hợp phải hủy bỏ việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Về nguyên tắc, biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt cần phải được hủy bỏ kịp thời khi không còn cần thiết áp dụng. Thẩm quyền hủy bỏ áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt thuộc về Viện trưởng Viện kiểm sát đã phê chuẩn quyết định áp dụng biện pháp đó. Về thủ tục, Viện trưởng Viện kiểm sát không thể tùy tiện hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, các biện pháp này chỉ bị hủy bỏ khi thuộc một trong các trường hợp sau: Có đề nghị bằng văn bản của Thủ trưởng CQĐT có thẩm quyền; hoặc có vi phạm trong quá trình áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt; hoặc không cần thiết tiếp tục áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Trường hợp biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt được áp dụng để phục vụ điều tra vụ án thuộc thẩm quyền của CQĐT cấp huyện hoặc CQĐT quân sự cấp khu vực, nếu xét thấy cần thiết hủy bỏ áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, thì Thủ trưởng CQĐT cấp huyện hoặc Thủ trưởng CQĐT quân sự cấp khu vực phải ban hành văn bản đề nghị Thủ trưởng CQĐT cấp tỉnh hoặc Thủ trưởng CQĐT quân sự cấp quân khu ra quyết định đề nghị hủy bỏ áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt theo trình tự nêu trên. Đồng thời, khi nghiên cứu nội dung Điều 228 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nhận thấy, điều luật chưa quy định rõ nội hàm cũng như cơ chế thực hiện hủy bỏ áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong trường hợp *"có vi phạm trong quá trình áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt"* hoặc *"không cần thiết tiếp tục áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt"* và thiết nghĩ, sẽ khó có thể thi hành trong thực tế quá trình áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Bởi lẽ, các biện pháp này được cơ quan chuyên trách trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân thực hiện theo hình thức bí mật, cho nên, việc xác định *"có vi phạm trong quá trình áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt"* hoặc *"không cần thiết tiếp tục áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt"* sẽ rất khó xác định.

2.1.7. Sử dụng thông tin, tài liệu thu thập được bằng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Thông tin, tài liệu thu thập được bằng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt rất đa dạng, phong phú, bao gồm cả thông tin liên quan đến vụ án và thông tin không liên quan đến vụ án. Theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, thì thông tin, tài liệu thu thập được bằng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt được sử dụng để khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự. Tuy nhiên, tại Điều 223 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt chỉ được áp dụng sau khi khởi tố VAHS, trong quá trình điều tra. Như vậy, vụ án đã được khởi tố, cho nên nội dung quy định "khởi tố" tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 phải được hiểu là khởi tố bị can trong vụ án hình sự. Đối với các thông tin, tài liệu không liên quan đến vụ án phải tiêu hủy kịp thời, nghiêm cấm sử dụng thông tin, tài liệu thu thập được vào mục đích khác. Ngoài ra, điều luật không quy định cụ thể đối với trường hợp trong quá trình áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt phục vụ điều tra vụ án hình sự (gọi là vụ án 1 - đã khởi tố) mà thu thập được thông tin, tài liệu về vụ án hình sự khác (gọi vụ án 2 - chưa khởi tố), thì những thông tin, tài liệu đã thu thập được có thể dùng để làm căn cứ khởi tố vụ án hình sự theo quy định tại Điều 143 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 hay không. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định thông tin, tài liệu thu thập được bằng việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt có thể dùng làm chứng cứ để giải quyết vụ án; để được sử dụng làm chứng cứ trong vụ án, các thông tin, tài liệu này phải bảo đảm tính hợp pháp, tính xác thực và tính liên quan đến vụ án. Bên cạnh đó, tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cũng quy định CQĐT có trách nhiệm thông báo ngay kết quả việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt cho Viện trưởng Viện kiểm sát đã phê chuẩn, tuy nhiên, nội dung điều luật chưa quy định việc thông báo này sẽ được thực hiện theo hình thức nào (thông báo trực tiếp, thông báo qua điện thoại hay thông báo bằng văn bản).

2.2. Một số kiến nghị hoàn thiện

Để các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt này phát huy tác dụng, góp phần nâng cao hiệu quả

hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, thì quá trình áp dụng các chủ thể có thẩm quyền cần lưu ý và thực hiện tốt các vấn đề sau:

2.2.1. Bộ Công an nên chủ trì phối hợp với Viện Kiểm sát nhân dân tối cao ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện những vấn đề còn vướng mắc trong nội dung quy định của các điều luật có liên quan đến các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt đã phân tích ở phần trên; về lâu dài, cần kiến nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung nội dung quy định của các điều luật có liên quan đến các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt theo hướng khắc phục những điểm hạn chế, làm rõ những nội dung đã quy định trong điều luật, đồng thời, bổ sung theo các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt phù hợp với quy định của pháp luật quốc tế.

2.2.2. Cơ quan chuyên trách trong Công an và Quân đội cần chủ động nghiên cứu, xây dựng dự thảo và trình Bộ trưởng Bộ Công an, Quốc phòng phê duyệt: Quy trình tiến hành áp dụng biện pháp ghi âm, ghi hình bí mật; quy trình tiến hành áp dụng biện pháp nghe điện thoại bí mật; quy trình tiến hành áp dụng biện pháp thu thập bí mật dữ liệu điện tử. Đây sẽ là cơ sở pháp lý về quy trình áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, đồng thời, cũng là "thước đo" để kiểm tra, xác định những vi phạm xảy ra trong quá trình áp dụng các biện pháp này.

2.2.3. Các cơ quan chuyên trách trong Công an và Quân đội được yêu cầu áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, cán bộ trực tiếp thực hiện biện pháp này cần phải tuân thủ tuyệt đối các nguyên tắc luật định khi tiến hành áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt; mọi hành vi vi phạm trong quá trình tiến hành áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt đều cần phải được xử lý nghiêm theo đúng quy định của pháp luật.

2.2.4. Các cơ quan chuyên trách trong Công an và Quân đội có thẩm quyền tiến hành áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt cần chủ động rà soát, thống kê hệ thống trang thiết bị, phương tiện hiện có, kịp thời đề xuất thanh lý những trang thiết bị không còn bảo đảm tính năng sử dụng và trang bị những phương tiện mới, hiện đại, cần thiết phục vụ yêu cầu áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt của các chủ thể theo luật định.

3. Kết luận

Việc quy định các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt có ý nghĩa rất lớn đối với công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm; tuy nhiên, việc quy định các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt này cũng đồng thời tác động trực tiếp đến các quyền tự do cá nhân, quyền cơ bản của công dân do Hiến pháp quy định. Chính vì thế, khi quyết định lựa chọn áp dụng, phê chuẩn áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt phục vụ điều tra, làm rõ tội phạm đã xảy ra, thì chủ thể có thẩm quyền cần phải nghiên cứu và nắm vững nội dung quy định của pháp luật tố tụng hình sự về các vấn đề có liên quan đến biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

Tài liệu tham khảo

[1] Quốc hội (2015), *Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2021*.

[2] Quốc hội (2015), *Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017*.

[3] Bộ Công an (2021), *Thông tư số 119/2021/TT-BCA ngày 08/12/2021 quy định biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về điều tra hình sự*.